

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2020

1. Thông tin chung về trường:

1.1. *Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (cơ sở và phân hiệu) và địa chỉ trang web:*

- **Tên trường:** Trường Đại học Y khoa Vinh;

- **Sứ mệnh:** Đào tạo nguồn nhân lực y tế có trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ y dược; cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe cho nhân dân.

- **Địa chỉ:** số 161 Nguyễn Phong Sắc, phường Hưng Dũng, TP Vinh, Nghệ An.

Website: <http://www.vmu.edu.vn>

1.2. *Quy mô đào tạo:*

Khối ngành/Nhóm ngành	NCS	Học viên CH	ĐH		CĐSP		TCSP	
			GD chính qui	GD TX	GD chính qui	GD TX	GD chính qui	GD TX
Nhóm ngành VI			3549	409				
Tổng (ghi rõ cả số NCS, cao học, SV ĐH, CĐ)			3856	409				

1.3. *Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất*

1.3.1. *Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):*

Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2018; 2019

1.3.2. *Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia)*

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyết	Năm tuyển sinh 2018			Năm tuyển sinh 2019		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Nhóm ngành VI:						
Ngành 1: Y đa khoa	350	365	20,75	350	365	22,4
Tổ hợp 3: B00	50	50	16,0	50	29	18,0
Ngành 2: YHDP	300	239	16,75	250	108	18,0
Tổ hợp 3: B00	50	0	0	0	0	0
Ngành 3: Điều dưỡng	Ngành 4: YTCC	50	54	18,0	50	54
Tổ hợp 3: B00	100	108	19,25	100	98	21,0
Ngành 5: XNYH						
Tổ hợp 3: B00						
Ngành 6: Dược học						



Tổ hợp 3: A00 & B00						
GV các môn chung	35					
Tổng	900	816	X	800	654	X

2. Các thông tin của năm tuyển sinh 2020

Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT về "Tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

2.1. Đối tượng tuyển sinh:

- Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Cán bộ y tế (liên thông);

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Trong toàn quốc

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

2.3.1 Đại học chính quy (cho khối Y khoa và Dược học):

Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 hoặc bảo lưu kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia từ năm 2016 đến 2019.

2.3.2 Các ngành (gồm: YHDP, YTCC, Điều dưỡng, KTXNYH):

+ Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 hoặc xét điểm bảo lưu kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia từ năm 2016 đến 2019.

+ Hoặc xét học bạ THPT hoặc tương đương dựa vào kết quả tổng kết năm lớp 12/cuối cấp (Tổ hợp các môn: Toán, Hóa, Sinh)

2.3.3 Liên thông chính quy (cho khối Y khoa):

- Đối tượng tuyển sinh: Có bằng Tốt nghiệp Y sỹ đa khoa và bằng tốt nghiệp THPT;

+ Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 hoặc bảo lưu kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia từ năm 2016 đến 2019.

+ Hoặc học lực lớp 12 đạt loại giỏi/học lực lớp 12 đạt loại khá và 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

+ Hoặc tốt nghiệp THPT loại giỏi.

2.3.4 Liên thông vừa làm vừa học (Điều dưỡng): Từ trung cấp lên đại học và từ cao đẳng lên đại học:

- Đối tượng tuyển sinh: Có bằng tốt nghiệp trung cấp hoặc Cao đẳng ngành phù hợp với ngành tuyển sinh.

- Hình thức tuyển sinh: Nhà trường sẽ tổ chức ôn và thi theo đề thi riêng của Trường.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành/nhóm ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo:

2.4.1 Đại học chính quy: 900

+ Y khoa: 400;

+ Dược học 150.

+ ĐH Điều dưỡng: 200 (Kết quả Thi THPT hoặc bảo lưu kết quả thi THPT Quốc gia các năm từ 2016 đến 2019: 100; Xét điểm học bạ THPT/tương đương: 100)

+ YHDP: 50; (Kết quả thi THPT năm 2020 hoặc bảo lưu kết quả thi THPT Quốc gia các năm từ 2016 đến 2019: 25; Xét điểm học bạ THPT/tương đương: 25)

+ KTXNYH: 50; (Kết quả thi THPT năm 2020 hoặc bảo lưu kết quả thi THPT Quốc gia 2016-2019: 25; Xét điểm học bạ THPT/tương đương: 25)

+ YTCC: 50 (Kết quả Thi THPT năm 2020 hoặc bảo lưu kết quả thi THPT Quốc gia 2016-2019: 25; Xét điểm học bạ năm lớp 12 /tương đương: 25)

2.4.2 Đại học Liên thông chính qui: Y khoa: 80 (Thực hiện Quyết định số 18QĐ-TTg ngày 31/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ).

+ Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 hoặc bảo lưu kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia từ năm 2016 đến 2019: 50 chỉ tiêu.

+ Học lực lớp 12 đạt loại giỏi/học lực lớp 12 đạt loại khá và 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo/tốt nghiệp THPT loại giỏi: 30 chỉ tiêu

2.4.3 Đại học Điều dưỡng liên thông VLVH:

- Từ trung cấp điều dưỡng: 30 chỉ tiêu

- Từ cao đẳng điều dưỡng: 30 chỉ tiêu

Có thông báo tuyển sinh riêng

2.5. Nguưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT:

2.5.1 Đại học chính qui: Theo qui định mức điểm đảm bảo chất lượng của bộ GD&ĐT.

2.5.2 Đối với Điều dưỡng; YHDP; YTCC; KT XNYH chính qui:

+ Học lực lớp 12 đạt loại khá;

+ Hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT đạt từ 6,5 trở lên;

+ Hoặc tốt nghiệp THPT loại khá;

+ Hoặc học lực lớp 12 đạt loại Trung bình và có kinh nghiệm 5 năm công tác đúng chuyên môn đào tạo;

+ Hoặc tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc cao đẳng hoặc đại học loại khá trở lên.

2.5.3 Đại học liên thông chính qui: Đối với ngành Y khoa phải đạt 1 trong các tiêu chí sau:

Nếu xét tuyển dự vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020 và bảo lưu kết quả thi tốt nghiệp quốc gia từ năm 2016 - 2019: Theo qui định ngưỡng đảm bảo chất lượng của Bộ GD&ĐT:

+ Học lực lớp 12 đạt loại giỏi

+ Hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT đạt từ 8,0 trở lên;

+ Hoặc tốt nghiệp THPT loại giỏi;

+ Hoặc học lực lớp 12 đạt loại khá và có kinh nghiệm 3 năm công tác đúng chuyên môn đào tạo;

+ Hoặc tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc cao đẳng hoặc đại học loại giỏi;

+ Hoặc tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc cao đẳng hoặc đại học loại khá và có kinh nghiệm 3 năm công tác đúng chuyên môn đào tạo;

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

- Mã trường: YKV

- Mã ngành, tổ hợp xét tuyển, quy định chênh lệch, điều kiện phụ:

Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Môn xét tuyển
Ngành đào tạo Đại học; Mã Trường: YKV			
Y khoa	7720101	400	Toán - Hóa - Sinh
Y học dự phòng	7720110	50	Toán - Hóa - Sinh
Điều dưỡng	7720301	200	Toán - Hóa - Sinh

Y tế Công cộng	7720701	50	Toán - Hóa - Sinh
Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	7720601	50	Toán - Hóa - Sinh
Dược học	7720201	150	Toán - Hóa - Sinh hoặc Toán - Hóa - Lý
Y khoa liên thông chính qui	7720101LT	80	Toán - Hóa - Sinh
Điều dưỡng liên thông VLVH	7720301LT	60	Toán - Hóa - Sinh
Cộng:		1040	

- Mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển (tổng điểm 3 môn Toán, Hóa và Sinh): theo mức điểm bảo đảm chất lượng của bộ GD&ĐT. Mức chênh lệch giữa các khu vực, đối tượng theo qui định của Bộ GD&ĐT.

- Tiêu chuẩn phụ: Nếu nhiều thí sinh cùng mức điểm thi thứ tự ưu tiên sẽ được xem xét là: Tổng điểm tổ hợp 3 môn không tính các điểm ưu tiên; Sinh; Hóa;

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/ thi tuyển, tổ hợp môn thi/ bài thi đối từng ngành đào tạo.

2.7.1 Đại học chính qui:

* *Khối Y khoa và Dược học:*

- Kết quả thi tốt nghiệp PTTH năm 2020: Thời gian thu hồ sơ theo qui định của Bộ GD&ĐT;

- Thu bảo lưu kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia các năm từ 2016 đến 2019;

+ Thí sinh làm hồ sơ mẫu đăng ký tuyển sinh của Bộ GD&ĐT Bộ GD&ĐT;

+ Đơn đăng ký nguyện vọng;

+ Bảng điểm phô tô công chứng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia các năm từ 2016 đến 2019; bản gốc nộp khi trúng tuyển;

+ Hồ sơ chứng minh đối tượng ưu tiên (nếu có).

* *Khối YHDP; Điều dưỡng; YTCC và KTXNYH:* Làm hồ sơ đăng ký tuyển sinh theo một trong hai phương án:

- Phương án 1:

Thí sinh xét điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2020: đăng ký theo hồ sơ qui định của Bộ GD&ĐT năm 2020;

- Phương án 2: gồm,

- Phiếu mẫu đăng ký tuyển sinh của Bộ GD&ĐT;

- Phô tô công chứng kết quả thi tốt nghiệp THPT quốc gia hoặc học bạ;

+ Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT Quốc gia những năm 2016 - 2019;

+ Hoặc Photo có công chứng học bạ THPT hoặc tương đương;

Các thí sinh tiếp tục làm hồ sơ đăng ký xét tuyển tại Trường.

(Lưu ý: Kết quả thi hoặc điểm học bạ phải đảm bảo bằng hoặc cao hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng giáo dục của Bộ GD&ĐT qui định).

- Hồ sơ chứng minh đối tượng ưu tiên (nếu có).

2.7.2 Đại học Y khoa liên thông chính qui:

- Thí sinh làm thủ tục dự thi tốt nghiệp THPT năm 2020; sau khi có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2020. Các thí sinh tiếp tục làm hồ sơ đăng ký xét tuyển tại Trường.

- Hoặc sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT quốc gia những năm 2016 đến 2019 làm hồ sơ đăng ký xét tuyển tại Trường. Hồ sơ làm phiếu tuyển sinh theo mẫu Bộ GD&ĐT.

- Xét tuyển theo học lực: Thí sinh làm phiếu mẫu đăng ký tuyển sinh của Bộ GD&ĐT kèm theo một trong các trường hợp sau:

+ Pho to công chứng học bạ lớp 12 *đạt loại giỏi*;

. *Pho to học bạ lớp 12 đạt loại khá và giấy chứng nhận 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo*;

. *Pho to bảng điểm thi tốt nghiệp THPT loại giỏi*;

- Hồ sơ chứng minh đối tượng ưu tiên (nếu có).

2.7.3 Đại học Điều dưỡng liên thông VLVH:

Thí theo đề thi riêng của trường

Có thông báo tuyển sinh riêng

2.8. Chính sách ưu tiên: *Tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển*.

Căn cứ Thông tư số 02/2019/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2019 về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT”;

2.8.1 *Đối tượng tuyển thẳng*

- Những thí sinh thuộc diện được quy định tại các điểm a, b và những thí sinh tham dự kì thi chọn đội tuyển Quốc gia dự thi Olympic Quốc tế các môn Toán, Hóa, Sinh thuộc điểm c, khoản 2 điều 7 của quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính qui; Những thí sinh đạt giải Nhất Quốc gia môn Sinh, Toán, Hóa; Những thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Tư Quốc tế trong cuộc thi Khoa học kĩ thuật và đã tốt nghiệp THPT được tuyển thẳng vào tất cả các ngành.

- Những thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba Quốc gia các môn Toán, Sinh, Hóa, Lý đã tốt nghiệp THPT được tuyển thẳng vào Trường theo nguyện vọng.

- Số lượng tuyển thẳng không quá 10% chỉ tiêu của mỗi chuyên ngành. Nếu số lượng đăng ký tuyển thẳng vượt quá 10% chỉ tiêu mỗi chuyên ngành, Nhà trường sẽ xét tiêu chí ưu tiên theo thứ tự sau:

+ Đối với những thí sinh được miễn thi tốt nghiệp THPT: Ưu tiên 1: Theo thứ tự đạt giải, Ưu tiên 2: Điểm tổng kết 03 năm học THPT (lớp 10, 11 và 12).

+ Đối với những thí sinh phải thi tốt nghiệp THPT: Ưu tiên 1: Tổng điểm 4 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2019; Ưu tiên 2: Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2019 môn Toán.

2.8.2 *Đối tượng ưu tiên xét tuyển. (Áp dụng cho các thí sinh không đạt điều kiện tuyển thẳng hay không dùng điều kiện tuyển thẳng)*

Thí sinh được cộng điểm thưởng vào tổng điểm 3 môn Toán, Hóa, Sinh hoặc Toán - Hóa - Lý (đối với ngành Dược học):

- Thí sinh đạt giải trong kì thi chọn học sinh giỏi Quốc gia môn Toán, Sinh, Hóa, Y sinh học và Khoa học sức khỏe:

+ Đạt giải Nhất: Cộng 4.0 điểm

+ Đạt giải Nhì: Cộng 3.0 điểm

+ Đạt giải Ba: Cộng 2.0 điểm

2.9. *Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Theo qui định của Bộ GD&ĐT*

2.10. *Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; và lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có);* Thu Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; và lộ trình tăng học phí theo Quyết định số 89/2016/QĐ.UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Nghệ An: Đại học: 1.380.000 đ/tháng (năm học 2020 - 2021).

2.11. Thông tin hỗ trợ:

Địa chỉ Website của Trường: <http://www.vmu.edu.vn>

Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Cảnh Phú	Hiệu trưởng	0383848853	nguyencanhphu@vmu.edu.vn
2	Cao Thúc Sinh	Phó hiệu trưởng	0913312695	caotruongsinh@gmail.com
3	Phan Quốc Hội	TP Đào tạo	0942581967	pqhoi67@gmail.com

2.12. Các nội dung khác (không trái quy định).

Đối tượng thuộc chỉ tiêu tự túc kinh phí năm 2020, Nhà trường sẽ thu kinh phí đào tạo theo qui định hiện hành:

Cụ thể: Học phí: 1.380.000 đ/tháng

Kinh phí đào tạo: 11.600.000 đ/năm

Tuyển sinh Hình thức vừa làm vừa học: Theo dõi trên trang website của nhà trường Website: <http://vmu.edu.vn>

3. Thời gian dự kiến đợt bổ sung trong năm 2020:

Tuyển sinh bổ sung đợt 1: Theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT

Tuyển sinh bổ sung đợt 2 (nếu có): Theo dõi trên trang website của Trường.

4. Thông tin về các Điều kiện đảm bảo chất lượng chính

4.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

4.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích xây dựng của Trường: 28.000 m²

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo:

Hạng mục	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1. Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	10000
2. Thư viện, trung tâm học liệu	3000
3. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	15000

4.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị:

TT	Tên	Danh mục TTB
1	Phòng thực tập Giải phẫu	Phụ lục 1. Mẫu 4
2	Phòng thực tập Mô phôi	Phụ lục 1. Mẫu 4
3	Phòng thực tập Giải phẫu bệnh	Phụ lục 1. Mẫu 4
4	Phòng thực tập Sinh lý	Phụ lục 1. Mẫu 4
5	Phòng thực tập Sinh lý bệnh	Phụ lục 1. Mẫu 4
6	Phòng thực tập VS-KST	Phụ lục 1. Mẫu 4
7	Phòng thực tập Hóa - Hoá sinh	Phụ lục 1. Mẫu 4
8	Phòng thực hành Dược liệu	Phụ lục 1. Mẫu 4
9	Phòng thực hành Bảo chế	Phụ lục 1. Mẫu 4
10	Phòng thực hành Hoá dược	Phụ lục 1. Mẫu 4
11	Phòng TH Sinh học-Thực vật Dược	Phụ lục 1. Mẫu 4

12	Phòng thực hành bán thuốc	Phụ lục 1. Mẫu 4
13	Phòng thực hành kỹ thuật điều dưỡng	Phụ lục 1. Mẫu 4
14	Phòng thực hành Sản phụ khoa	Phụ lục 1. Mẫu 4
15	Phòng thực hành cộng đồng	Phụ lục 1. Mẫu 4
16	Phòng thực hành Y học cổ truyền	Phụ lục 1. Mẫu 4
17	Phòng thực hành Hồi sức cấp cứu	Phụ lục 1. Mẫu 4
18	Phòng thực hành khám nội khoa	Phụ lục 1. Mẫu 4
19	Phòng thực hành khám ngoại khoa	Phụ lục 1. Mẫu 4
20	Phòng thực hành khám nhi khoa	Phụ lục 1. Mẫu 4
21	Phòng thực hành khám Răng	Phụ lục 1. Mẫu 4
22	Phòng thực hành khám Mắt	Phụ lục 1. Mẫu 4
23	Phòng thực hành khám Tai mũi họng	Phụ lục 1. Mẫu 4
24	Phòng thực hành kỹ thuật Nội soi	Phụ lục 1. Mẫu 4
25	Phòng thực hành kỹ thuật Siêu âm	Phụ lục 1. Mẫu 4
26	Phòng thực hành kỹ thuật chụp X Q	Phụ lục 1. Mẫu 4
27	Phòng thực hành kỹ thuật Xét nghiệm	Phụ lục 1. Mẫu 4
28	Phòng thực hành chống nhiễm khuẩn	Phụ lục 1. Mẫu 4
29	Phòng thực hành tiếp đón người bệnh	Phụ lục 1. Mẫu 4
30	Phòng thực hành tin học	Phụ lục 1. Mẫu 4

Ghi chú: Bao gồm khu nhà kỹ thuật thực hành và bệnh viện thực hành của Nhà trường

4.1.3 Thông kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	04
2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	19
3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	15
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	10
5	Số phòng học đa phương tiện	05

4.1.4 Thông kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện:

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
	Nhóm ngành VI	Phụ lục 2

4.2. Danh sách giảng viên cơ hữu (file excel): Phụ lục 3

4.3 Danh sách giảng viên thỉnh giảng: Phụ lục 4

5. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 năm gần nhất)

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó số SV tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng
------------	------------------------	-------------------------------	---------------------	--

	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Nhóm ngành VI Năm 2018	900		816		485		79,8	
Nhóm ngành VI Năm 2019	800		752		545		89,3	
Tổng	1,700		1568		1030			

6. Tình hình tài chính của Trường:

- Tổng thu hợp pháp/năm: 55.000.000.000 đ/năm
- Chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên /năm: 28.300.000 đ/năm

Ngày 02 tháng 6 năm 2020



Nguyễn Cảnh Phú